

Số: 231 /QL..DUAN

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng thực hiện công bố thông tin Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng**

- Mã chứng khoán: MAS
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236 3830340, DD: 0963137909 Fax: 0236 3826133
- Email: masco@masco.com.vn, minhhuyen@masco.com.vn
- Website: masco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo soát xét BCTC bán niên năm 2023.

Báo cáo soát xét BCTC bán niên riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc):

Báo cáo soát xét BCTC bán niên hợp nhất (TCNY có công ty con);

Báo cáo soát xét BCTC bán niên tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có:

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 21/08/2023 tại đường dẫn: masco.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: **Không**

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

• Nội dung giao dịch:

• Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);

• Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý II/2023
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Huyền





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Lê Giang Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Số: 24./2023/SX-RSMHCM**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng, được lập ngày 21 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, không theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.865.418.607	20.120.375.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.512.229.731	4.764.980.007
1. Tiền	111	4.1	5.512.229.731	4.764.980.007
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.073.438.866	9.354.971.638
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	13.074.242.018	7.373.094.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.079.902	416.165.930
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	3.484.346.709	4.120.940.582
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(2.555.229.763)	(2.555.229.763)
III. Hàng tồn kho	140		5.149.421.253	4.882.065.022
1. Hàng tồn kho	141	4.5	5.149.421.253	4.882.065.022
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.130.328.757	1.118.358.738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	2.093.450.531	1.083.113.794
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	36.878.226	35.244.944
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.490.331.534	47.667.296.074
I. Tài sản cố định	220		39.748.607.568	44.376.997.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	39.210.213.786	43.813.186.609
Nguyên giá	222		160.546.853.833	163.227.924.526
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.336.640.047)	(119.414.737.917)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	538.393.782	563.810.461
Nguyên giá	228		883.083.100	883.083.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(344.689.318)	(319.272.639)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.733.723.966	3.290.299.004
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	3.733.723.966	3.290.299.004
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		70.355.750.141	67.787.671.479

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam


Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.508.028.203	40.082.584.070
I. Nợ ngắn hạn	310		37.868.028.203	36.442.584.070
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	9.672.470.426	9.804.591.980
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	4.933.641.433	6.429.282.725
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	614.988.216	451.734.871
4. Phải trả người lao động	314	4.12	1.816.676.578	518.575.611
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	787.520.938	128.701.908
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	3.423.665.040	2.972.124.708
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.865.623.977	2.358.017.140
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	14.573.966.595	13.222.730.127
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		179.475.000	556.825.000
II. Nợ dài hạn	330		3.640.000.000	3.640.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	3.640.000.000	3.640.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.847.721.938	27.705.087.409
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17.1	28.847.721.938	27.705.087.409
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.676.830.000	42.676.830.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.632.316.175)	(15.774.950.704)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(15.774.950.704)	(15.829.078.635)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.142.634.529	54.127.931
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		70.355.750.141	67.787.671.479



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương
Người lập

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam



Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.19	64.920.877.252	42.533.692.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		393.346.733	978.095.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.527.530.519	41.555.597.149
4. Giá vốn hàng bán	11	4.20	53.712.954.035	35.596.786.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.814.576.484	5.958.810.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.723.279	4.047.598
7. Chi phí tài chính	22	4.21	1.007.384.076	921.246.583
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		632.208.465	510.775.066
8. Chi phí bán hàng	25	4.22	3.180.293.217	2.048.992.576
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	5.429.306.300	4.256.056.154
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.202.316.170	(1.263.436.981)
11. Thu nhập khác	31		384.597.121	314.215.761
12. Chi phí khác	32		259.070.770	474.090.872
13. Lợi nhuận khác	40		125.526.351	(159.875.111)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.327.842.521	(1.423.312.092)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.327.842.521	(1.423.312.092)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.3	268	(706)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.4	268	(706)


Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế toán trưởng
Phạm Thị Thương
Người lập

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.327.842.521	(1.423.312.092)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	4.605.090.843	5.192.908.027
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.619.692)	60.471.515
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(224.259.451)	(131.320.325)
Chi phí lãi vay	06		632.208.465	510.775.066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.338.262.686	4.209.522.191
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.664.280.771)	(3.347.542.461)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(267.356.231)	(502.920.757)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		192.910.214	1.471.538.036
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.453.761.699)	(2.744.723.940)
Tiền lãi vay đã trả	14		(614.854.268)	(580.487.373)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(377.350.000)	(1.483.592.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(846.430.069)	(2.978.207.000)
II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		245.454.548	127.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.103.562	4.047.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		239.558.110	131.320.325
III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	17.312.657.956	12.991.742.297
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(15.959.265.888)	(9.231.701.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.353.392.068	3.760.040.523
LƯU CHUYỀN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		746.520.109	913.153.848
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.764.980.007	8.255.293.320
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		729.615	3.005.305
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	5.512.229.731	9.171.452.473



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương
Người lập

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (một doanh nghiệp Nhà nước). Ngày 23 tháng 09 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2005 của Bộ Giao Thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 14 vào ngày 20 tháng 04 năm 2017.

Ngày 09 tháng 09 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường UpCom. Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày bắt đầu giao dịch chính thức là ngày 15 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.676.830.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Việt Nam	15.412.650.000	36,11	15.412.650.000	36,11
Các cổ đông khác		27.264.180.000	63,89	27.264.180.000	63,89
Cộng		42.676.830.000	100,00	42.676.830.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 355 (01 tháng 01 năm 2023 là: 360).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Chế biến suất ăn, kinh doanh thương mại và dịch vụ;
- Đào tạo lái xe ô tô và mô tô.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Giáo dục khác chưa được phân đầu vào đầu
Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CP 642) và đồ uống (CP 643);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Các dịch vụ bán lẻ phi thực phẩm (CPC 631+632). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến suất ăn trên máy bay, kinh doanh thương mại và dịch vụ liên quan tại sân bay. Ngành nghề này đang có dấu hiệu hồi phục trở lại sau đại dịch Covid 19. Năm 2023, các chuyến bay trong và ngoài nước tăng trưởng trở lại, tần suất lần số lượng khách đều tăng cao khiến doanh thu chính kỳ này tăng mạnh, cụ thể:

- Doanh thu kinh doanh thương mại tăng 71%;
- Doanh thu cung cấp suất ăn và các dịch vụ khác liên quan tăng 126%.

Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe ô tô, mô tô. Trong kỳ, doanh thu dịch vụ đào tạo giảm 24% do sức ép cạnh tranh từ các Trung tâm dạy nghề cùng khu vực.

Giá vốn kỳ này tăng theo xu hướng tăng của doanh thu.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng Suất ăn	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Phú Bài CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn; Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Tổ 18, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Nha Trang – CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ Ăn uống	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng – Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco (dưới đây gọi tắt là “Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng”)	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	113 Núi Thành, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng – Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco Thừa Thiên Huế (dưới đây gọi tắt là “Trung tâm đào tạo lái xe Huế”)	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	34 – 36 Nguyễn Lương Bằng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, không theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2022.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.874.424.215	1.183.097.906
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.637.805.516	3.581.882.101
Cộng	5.512.229.731	4.764.980.007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29	2.117.438.514	803.742.198
Phải thu từ khách hàng:		
STARLUX Airlines Co., Ltd	2.709.589.748	37.037.897
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	1.706.121.561	936.887.589
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	1.519.956.681	1.134.863.169
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Các khách hàng khác (*)	3.540.010.515	2.979.439.037
Cộng	13.074.242.018	7.373.094.889

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.638.678.315	-	2.121.750.828	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	84.000.000	-	292.772.760	-
Khoản lỗ chia cho các bên hợp tác đầu tư	1.578.786.273	-	1.521.621.010	-
Các khoản phải thu khác	182.882.121	-	184.795.984	-
Cộng	3.484.346.709	-	4.120.940.582	-
Trong đó, các khoản phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29	463.414.733	-	501.471.984	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.555.229.763	-	2.555.229.763	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	-	Trên 3 năm	1.481.124.999	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	575.363.500	-	Trên 3 năm	575.363.500	-	Trên 3 năm
Các học viên bộ đội tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	498.741.264	-	Trên 3 năm	498.741.264	-	Trên 3 năm
Cộng	2.555.229.763	-		2.555.229.763	-	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.263.224.966	-	2.138.072.784	-
Công cụ, dụng cụ	65.077.850	-	39.043.105	-
Thành phẩm	380.000	-	230.160	-
Hàng hóa	2.820.738.437	-	2.704.718.973	-
Cộng	5.149.421.253	-	4.882.065.022	-

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm tài sản	67.130.742	-
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê tài sản	1.583.283.702	754.186.802
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	132.751.025	73.111.501
Các khoản khác	310.285.062	255.815.491
Cộng	2.093.450.531	1.083.113.794
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.282.838.651	1.424.289.352
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	591.773.290	755.002.150
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.859.112.025	1.111.007.502
Cộng	3.733.723.966	3.290.299.004

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	54.909.968.749	31.951.931.422	75.086.753.028	1.279.271.327	163.227.924.526
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.681.070.693)	-	(2.681.070.693)
Tại ngày 30/06/2023	54.909.968.749	31.951.931.422	72.405.682.335	1.279.271.327	160.546.853.833
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	29.141.718.371	25.973.974.026	63.088.859.679	1.210.185.841	119.414.737.917
Khấu hao trong kỳ	1.363.409.016	1.369.410.783	1.817.389.895	29.464.470	4.579.674.164
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.657.772.034)	-	(2.657.772.034)
Tại ngày 30/06/2023	30.505.127.387	27.343.384.809	62.248.477.540	1.239.650.311	121.336.640.047
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	25.768.250.378	5.977.957.396	11.997.893.349	69.085.486	43.813.186.609
Tại ngày 30/06/2023	24.404.841.362	4.608.546.613	10.157.204.795	39.621.016	39.210.213.786

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ hữu hình là 5.208.807.315 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.622.403.623 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	473.227.100	409.856.000	883.083.100
Tại ngày 30/06/2023	473.227.100	409.856.000	883.083.100
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	319.272.639	319.272.639
Khấu hao trong kỳ	-	25.416.679	25.416.679
Tại ngày 30/06/2023	-	344.689.318	344.689.318
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	473.227.100	90.583.361	563.810.461
Tại ngày 30/06/2023	473.227.100	65.166.682	538.393.782

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.16.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 243.856.000 VND.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29	254.974.135	254.974.135	1.144.534.777	1.144.534.777
Phải trả cho người bán:				
Lê Ngọc Thịnh (Đỗ Thị Phương Thảo)	906.152.811	906.152.811	1.170.351.057	1.170.351.057
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – CN TCT Cảng hàng không Việt Nam – CTCP	626.517.519	626.517.519	991.077.458	991.077.458
Lê Tiến Minh	598.130.000	598.130.000	610.530.000	610.530.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	6.774.896.711	6.774.896.711	5.415.789.938	5.415.789.938
Cộng	9.672.470.426	9.672.470.426	9.804.591.980	9.804.591.980

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29	4.325.703.432	5.874.722.725
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	507.660.000	351.900.000
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	100.264.000	202.660.000
Các khách hàng khác	14.001	-
Cộng	<u>4.933.641.433</u>	<u>6.429.282.725</u>

4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND			Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã khấu trừ	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	610.535.216	4.834.267.634	1.804.913.909	2.829.278.287	-	410.459.778
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.944	-	-	-	-	35.244.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.633.282	4.453.000	51.956.784	-	90.412.159	-	41.275.093
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	-	12.000.000	-	-
Cộng	<u>36.878.226</u>	<u>614.988.216</u>	<u>4.898.224.418</u>	<u>1.804.913.909</u>	<u>2.931.690.446</u>	<u>35.244.944</u>	<u>451.734.871</u>

4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương phải trả cho người lao động tại 30 tháng 06 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí phải trả cho bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29	375.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	76.056.105	58.701.908
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	336.464.833	70.000.000
Cộng	787.520.938	128.701.908

4.14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	1.721.743.872	1.328.680.564
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	1.701.921.168	1.625.262.326
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	18.181.818
Cộng	3.423.665.040	2.972.124.708

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	242.373.254	521.482.835
Kinh phí công đoàn	233.781.349	241.062.858
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	437.500.000	532.220.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho cổ đông	49.968.758	49.968.758
Phí hoa hồng phải trả khi giới thiệu học viên	273.608.000	242.400.000
Phải trả tiền trách nhiệm lái xe taxi	219.845.533	222.488.260
Các khoản thu hộ	151.205.802	200.501.802
Các khoản phải trả, phải nộp khác	257.341.281	347.892.627
Cộng	1.865.623.977	2.358.017.140

Trong đó, lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29

66.652.646

143.407.780

Dài hạn:

Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng

1.640.000.000

1.640.000.000

Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế

2.000.000.000

2.000.000.000

Cộng**3.640.000.000****3.640.000.000**

Trong đó, vốn góp hợp tác kinh doanh phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29

950.000.000

950.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vay**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	13.496.666.595	13.496.666.595	17.312.657.956	15.579.801.088	11.763.809.727	11.763.809.727
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	1.077.300.000	1.077.300.000	-	381.620.400	1.458.920.400	1.458.920.400
Cộng	14.573.966.595	14.573.966.595	17.312.657.956	15.961.421.488	13.222.730.127	13.222.730.127

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng:

Hạn mức vay: 15.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 12 tháng

Lãi suất: 7,9 – 8,5%/năm

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 473.227.100 VND – Xem thêm Mục 4.8.

- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng:

Hạn mức vay: 306.358,50 USD

Thời hạn vay: 60 tháng

Lãi suất: 5%/năm

Mục đích vay: Mua sắm 03 xe chuyên chở suất ăn phục vụ hoạt động cung ứng suất ăn tại các sân bay

Tài sản đảm bảo: Phương tiện vận tải của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 5.208.807.315 VND – Xem thêm Mục 4.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	42.676.830.000	803.208.113	(15.829.078.635)	27.650.959.478
Lỗ trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	(1.423.312.092)	(1.423.312.092)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(679.910.777)	(679.910.777)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(908.137.929)	(908.137.929)
Tại ngày 30/06/2022	42.676.830.000	803.208.113	(18.840.439.433)	24.639.598.680
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	2.691.458.192	2.691.458.192
Chia lỗ hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	163.420.784	163.420.784
Chia lỗ hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	282.409.753	282.409.753
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(71.800.000)	(71.800.000)
Tại ngày 01/01/2023	42.676.830.000	803.208.113	(15.774.950.704)	27.705.087.409
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	1.327.842.521	1.327.842.521
Chia lỗ hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	57.165.263	57.165.263
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(242.373.255)	(242.373.255)
Tại ngày 30/06/2023	42.676.830.000	803.208.113	(14.632.316.175)	28.847.721.938



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.267.683	4.267.683

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.17.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.327.842.521	(1.423.312.092)
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận sau thuế TNDN:		
+ Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	57.165.263	-
+ Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(242.373.255)	(1.588.048.706)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.142.634.529	(3.011.360.798)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	268	(706)

4.17.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.327.842.521	(1.423.312.092)
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận sau thuế TNDN:		
+ Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	57.165.263	-
+ Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(242.373.255)	(1.588.048.706)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.142.634.529	(3.011.360.798)
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.267.683	4.267.683
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	268	(706)

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	6.403,24	6.418,36

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	5.384.605.944	3.140.018.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	14.660.741.850	19.271.609.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	509.823.370	511.710.927
Doanh thu cung cấp dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác	44.365.706.088	19.610.353.909

Cộng **64.920.877.252** **42.533.692.149**

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29 27.721.684.638 15.377.724.245

Lý do tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này được thuyết minh tại Mục 1.4.

4.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.517.608.125	1.653.335.308
Giá vốn của dịch vụ đào tạo đã cung cấp	12.114.442.216	12.861.993.864
Giá vốn của dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác đã cung cấp	38.080.903.694	21.081.457.243

Cộng **53.712.954.035** **35.596.786.415**

Lý do tăng giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ kỳ này được thuyết minh tại Mục 1.4.

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí chiết khấu thanh toán cho bên liên quan – Xem thêm Mục 4.29	375.000.000	350.000.002
Chi phí lãi vay	632.208.465	510.775.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	175.611	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	60.471.515

Cộng **1.007.384.076** **921.246.583**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.516.479.775	800.237.130
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	73.658.765	6.216.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.357.142	2.357.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.455.633.177	1.215.847.186
Các khoản chi phí bán hàng khác	132.164.358	24.334.262
Cộng	<u>3.180.293.217</u>	<u>2.048.992.576</u>

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.890.465.747	3.369.117.873
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.156.173	32.936.481
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.381.599	90.200.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	491.715.602	407.391.591
Chi phí bằng tiền khác	960.587.179	356.409.653
Cộng	<u>5.429.306.300</u>	<u>4.256.056.154</u>

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua hàng	2.586.918.584	1.641.605.639
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.371.135.837	8.067.944.412
Chi phí nhân công	21.304.063.245	14.407.326.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.605.090.843	5.192.908.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.417.807.536	7.215.970.802
Chi phí khác bằng tiền	7.037.537.507	5.376.079.275
Cộng	<u>62.322.553.552</u>	<u>41.901.835.145</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế trong kỳ	1.327.842.521	(1.423.312.092)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	244.488.637	450.598.549
<i>Các khoản chi không được trừ theo luật thuế TNDN</i>	236.240.013	450.598.549
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu cuối năm trước</i>	8.248.624	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(615.908)	(13.837.294)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu cuối kỳ này</i>	(615.908)	(6.322.985)
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu cuối năm trước</i>	-	(7.514.309)
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN hiện hành	1.571.715.250	(986.550.837)
Trừ: Chuyển lỗ	(1.571.715.250)	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	-	-

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	17.312.657.956	12.991.742.297

4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(15.959.265.888)	(9.231.701.774)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động như sau:

- Thành phố Đà Nẵng;
- Tỉnh Khánh Hòa;
- Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023:

Đơn vị tính: Ngàn Đồng

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	42.202.380	24.389.244	10.672.357	5.479.805	12.046.140	12.664.643	-	-	64.920.877	42.533.692
Giữa các bộ phận	526.719	-	-	-	-	-	(526.719)	-	-	-
Cộng	42.729.099	24.389.244	10.672.357	5.479.805	12.046.140	12.664.643	(526.719)		64.920.877	42.533.692

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận	10.811.710	5.301.584	(2.072.366)	(2.674.268)	2.075.232	3.331.495	-	-	10.814.576	5.958.811
Chi phí bán hàng	(2.609.221)	(1.665.101)	-	-	(571.072)	(383.892)	-	-	(3.180.293)	(2.048.993)
Chi phí quản lý	(4.196.067)	(3.366.753)	-	-	(1.233.239)	(889.303)	-	-	(5.429.306)	(4.256.056)
Lợi nhuận thuần trước thuế, và lợi nhuận tài chính	4.006.422	269.730	(2.072.366)	(2.674.268)	270.921	2.058.300	-	-	2.204.977	(346.238)
Doanh thu tài chính	14.584	15.454	147	82	134.758	95.965	(144.766)	(107.453)	4.723	4.048
Chi phí tài chính	(492.453)	(304.639)	(594.871)	(663.126)	(64.826)	(60.935)	144.766	107.453	(1.007.384)	(921.247)
Lợi nhuận tài chính	(477.869)	(289.185)	(594.724)	(663.044)	69.932	35.030	-	-	(1.002.661)	(917.199)
Lợi nhuận khác	17.377	(406.002)	(1.169)	(344)	109.319	246.471	-	-	125.527	(159.875)
Lợi nhuận trước thuế	3.545.930	(425.457)	(2.668.259)	(3.337.656)	450.172	2.339.801	-	-	1.327.843	(1.423.312)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Lợi nhuận sau thuế

1.327.843 (1.423.312)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**Đơn vị tính: **Ngàn Đồng**

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	67.833.832	66.571.725	27.494.885	29.368.433	12.281.358	11.798.430	(37.254.325)	(39.950.917)	70.355.750	67.787.671
Tổng nợ phải trả	(38.986.110)	(38.866.638)	(27.494.885)	(29.368.433)	(12.281.358)	(11.798.430)	37.254.325	39.950.917	(41.508.028)	(40.082.584)

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định:										
Nguyên giá	57.368.144	60.049.215	76.260.418	76.260.418	27.801.375	27.801.375	-	-	161.429.937	164.111.008
Hao mòn lũy kế	(48.718.708)	(49.699.770)	(50.872.238)	(48.499.714)	(22.090.384)	(21.534.527)	-	-	(121.681.330)	(119.734.011)

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí khấu hao trong kỳ	(1.676.710)	(2.168.846)	(2.372.524)	(2.485.868)	(555.857)	(538.194)	-	-	(4.605.091)	(5.192.908)
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	(8.000)	-	-	-	-	-	-	-	(8.000)	-

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo hoạt động kinh doanh là bộ phận thứ yếu như sau:

- Các hoạt động liên quan đến hàng không (cung ứng suất ăn; bán hàng hóa; dịch vụ vận chuyển; vệ sinh tại sân bay,...);
- Các hoạt động liên quan đến đào tạo (đào tạo bằng lái ô tô, mô tô; cho thuê xe; thuê sân tập,...).

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023:

Đơn vị tính: Ngàn Đồng

	<u>Hàng không</u>		<u>Đào tạo</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	50.180.135	23.161.770	14.740.742	19.371.922	-	-	64.920.877	42.533.692
Giữa các bộ phận	526.719	-	-	-	(526.719)	-	-	-
Cộng	50.706.854	23.161.770	14.740.742	19.371.922	(526.719)	-	64.920.877	42.533.692
Chi phí khấu hao trong kỳ	(4.042.710)	(4.193.352)	(562.381)	(999.556)	-	-	(4.605.091)	(5.192.908)
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	(8.000)	-	-	-	-	-	(8.000)	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Cùng nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Cùng nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Cùng nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
5. Chi nhánh Phú Bài – Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Nội Bài	Cùng nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
6. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	1.316.025.150	-
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	526.661.264	498.741.264
Chi nhánh Phú Bài – Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Nội Bài	141.416.550	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	129.012.000	14.060.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	4.323.550	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	290.940.934
Cộng – Xem thêm Mục 4.2	2.117.438.514	803.742.198
Phải thu khác:		
Tạm ứng cho nhân viên:		
Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc	69.095.937	121.095.937
Khoản lỗ chia cho các bên hợp tác đầu tư:		
Ông Nguyễn Thanh Đông – Tổng Giám đốc	163.276.902	157.699.803
Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc	115.520.947	111.338.123
Bà Lê Thị Thùy Linh – Thành viên Hội đồng quản trị	115.520.947	111.338.121
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	463.414.733	501.471.984
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	254.974.135	533.784.777
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	610.750.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.9	254.974.135	1.144.534.777
Người mua trả tiền trước – Xem thêm Mục 4.10:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	4.325.703.432	5.874.722.725

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chiết khấu thanh toán – Xem thêm Mục 4.13:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	375.000.000	-
Phải trả khác ngắn hạn:		
Lợi nhuận phải trả cho các bên hợp tác đầu tư:		
Ông Nguyễn Thanh Đông – Tổng Giám đốc	36.355.989	78.222.424
Bà Lê Thị Thùy Linh – Thành viên Hội đồng quản trị	30.296.657	65.185.356
Cộng – Xem thêm Mục 4.15	66.652.646	143.407.780
Phải trả khác dài hạn:		
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả:		
Ông Nguyễn Thanh Đông – Tổng Giám đốc	460.000.000	460.000.000
Bà Lê Thị Thùy Linh – Thành viên Hội đồng quản trị	370.000.000	370.000.000
Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	120.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.15	950.000.000	950.000.000
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	25.644.379.435	15.302.248.795
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	1.441.859.500	-
Chi nhánh Phú Bài – Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Nội Bài	315.935.000	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	219.335.473	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	72.247.957	67.696.450
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	27.927.273	7.779.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.19	27.721.684.638	15.377.724.245
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	230.363.008	25.863.326
Chiết khấu thanh toán – Xem thêm mục 4.21:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	375.000.000	350.000.002

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP		
+ Vé máy bay	1.597.272	3.427.779
+ Vận chuyển hàng hóa	72.954.200	62.031.200
Cộng	<u>74.551.472</u>	<u>65.458.979</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	9.750.000	-	9.750.000	9.750.000	-	9.750.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	5.460.000	74.160.168	79.620.168	5.460.000	73.608.988	79.068.988
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	5.460.000	-	5.460.000	5.460.000	-	5.460.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc	5.460.000	232.482.869	237.942.869	5.460.000	139.776.000	145.236.000
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc	5.460.000	163.549.396	169.009.396	5.460.000	113.195.000	118.655.000
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	-	163.549.396	163.549.396	-	113.195.000	113.195.000
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	-	137.238.339	137.238.339	-	110.100.811	110.100.811
Cộng		31.590.000	770.980.168	802.570.168	31.590.000	549.875.799	581.465.799

4.30. Thu nhập Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng Ban Kiểm Soát	-	46.800.000	46.800.000	-	46.800.000	46.800.000
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	3.900.000	51.515.833	55.415.833	3.900.000	39.618.848	43.518.848
Ông Lê Giang Nam	Thành viên Ban kiểm soát	3.900.000	88.593.114	92.493.114	3.900.000	63.852.225	67.752.225
Cộng		7.800.000	186.908.947	194.708.947	7.800.000	150.271.073	158.071.073

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.31. Công cụ tài chính**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất;
 - + Rủi ro tiền tệ.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền	5.512.229.731	4.764.980.007
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.003.358.964	8.938.805.708
Cộng	19.515.588.695	13.703.785.715
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	14.573.966.595	13.222.730.127
Phải trả người bán và phải trả khác	14.944.313.054	15.561.546.262
Chi phí phải trả	787.520.938	128.701.908
Cộng	30.305.800.587	28.912.978.297

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Rủi ro tín dụng**

Khách hàng của công ty phần lớn là các hãng Hàng không. Do đó, Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách duy trì chính sách ký quỹ để thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán các khoản nợ trong vòng 30 ngày. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền	5.512.229.731	4.764.980.007
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.003.358.964	8.938.805.708
Cộng	19.515.588.695	13.703.785.715

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.4 trong Bản thuyết minh cung cấp những thông tin về các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Các khoản vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	14.573.966.595	12.091.833.992	26.665.800.587
Trên 05 năm	-	3.640.000.000	3.640.000.000
Tại ngày 30/06/2023	14.573.966.595	15.597.508.992	30.305.800.587
	Các khoản vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	13.222.730.127	12.050.248.170	25.272.978.297
Trên 05 năm	-	3.640.000.000	3.640.000.000
Tại ngày 01/01/2023	13.222.730.127	15.690.248.170	28.912.978.297

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi đã ký kết với ngân hàng. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ vay tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	14.573.966.595	13.222.730.127

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu rủi ro về USD do Công ty có các giao dịch về vay nợ và cung ứng suất ăn với các hãng Hàng không quốc tế như STARLUX Airlines; Qatar Airways; Eznis Airways;....

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã thông qua các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro ngoại tệ và rủi ro thanh khoản.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu khác VND	Phải thu thương mại VND	Tiền VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
VND	3.484.346.709	7.796.937.954	5.362.457.167	16.643.741.830
USD	-	2.722.074.301	149.772.564	2.871.846.865
Cộng	<u>3.484.346.709</u>	<u>10.519.012.255</u>	<u>5.512.229.731</u>	<u>19.515.588.695</u>
Tại ngày 01/01/2023				
VND	4.120.940.582	4.567.363.144	4.614.853.483	13.303.157.209
USD	-	250.501.982	150.126.524	400.628.506
Cộng	<u>4.120.940.582</u>	<u>4.817.865.126</u>	<u>4.764.980.007</u>	<u>13.703.785.715</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	<u>Các khoản vay VND</u>	<u>Phải trả thương mại và khác VND</u>	<u>Chi phí phải trả VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tại ngày 30/06/2023				
VND	13.496.666.595	14.706.813.054	787.520.938	28.991.000.587
USD	1.077.300.000	237.500.000	-	1.314.800.000
Cộng	<u>14.573.966.595</u>	<u>14.944.313.054</u>	<u>787.520.938</u>	<u>30.305.800.587</u>
Tại ngày 01/01/2023				
VND	11.763.809.727	15.229.326.262	128.701.908	27.121.837.897
USD	1.458.920.400	332.220.000	-	1.791.140.400
Cộng	<u>13.222.730.127</u>	<u>15.561.546.262</u>	<u>128.701.908</u>	<u>28.912.978.297</u>

4.32. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính này.



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương
Người lập

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 08 năm 2023